

Bản án số: 155/2022/DS-ST  
Ngày 05 - 9 - 2022  
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Nguyễn Kim Kết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp NC, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Phương N (Phan Văn N); cư trú tại: Ấp NC, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lâm Hồng H; cư trú tại: Ấp NC, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Trần Ngọc T trình bày:* Trước đây, ông N và bà H làm chủ hội, bà có tham gia chơi hội trong các dây hội, cụ thể:

Dây hội mở ngày 05/5/2019 âl, loại hội 2.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hội gồm 45 chung, bà tham gia 02 chung. Quá trình chơi hội, khi tham gia đến kỳ thứ 06 thì bà bỏ hốt 01 chung, chung còn lại đóng đến kỳ thứ 30. Ngày 05/11/2021 âl, ông N, bà H tuyên bố đình hội. Số tiền ông N và bà H nợ bà là 30 kỳ x 2.000.000đ = 60.000.000đ. Dây hội này bà còn nợ lại ông N, bà H

số tiền 30.000.000đ. Đối trừ hai chung hui, ông N và bà H còn nợ bà 30.000.000đ.

Dây hui thứ hai: Mở ngày 30/9/2019 âm, loại hui 1.000.000đ, một tháng khui 01 lần, dây hui gồm 35 chung, bà tham gia 01 chung. Quá trình chơi hui, bà đóng được 35 kỳ. Ngày 05/11/2021 âm, ông N, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông N và bà H nợ bà là 35 kỳ x 1.000.000đ = 35.000.000đ.

Dây hui thứ ba: Mở ngày 05/5/2019 âm, loại hui 1.000.000đ, một tháng khui 01 lần, dây hui gồm 42 chung, bà tham gia 01 chung. Quá trình chơi hui, bà đóng được 42 kỳ. Ngày 05/11/2021 âm, ông N, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông N và bà H nợ bà là 42 kỳ x 1.000.000đ = 42.000.000đ.

Sau đó, ông N và bà H có trả cho bà được 11.500.000đ, số tiền ông N và bà H còn nợ lại bà là 95.500.000đ. Nay bà yêu cầu ông N và bà H trả cho bà số tiền 95.500.000đ.

*Đối với Phan Phương N, bà Lâm Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà T.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H trả tiền hui là vụ kiện tranh chấp hui, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông N, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông N, bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà T có tham gia chơi hui trong các dây hui do ông N, bà H làm chủ hui và ông N, bà H còn nợ tiền hui của bà T là thực tế có xảy ra. Đối với ông N, bà H thì không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông N, bà H là chủ hui, còn bà T là hui viên. Trong quá trình chơi hui, bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hui cho ông N, bà H. Với vai trò là chủ hui, ông N và bà H là người bảo lãnh cho các hui viên tham gia. Cho nên, trong quá trình chơi hui nếu hui bị bể hay bị hui viên hốt mà không đóng hui lại hoặc đình hui thì ông N, bà H phải chịu trách nhiệm đối với các hui viên. Như vậy, việc ông N, bà H tự đình hui nên ông bà phải có trách nhiệm trả tiền hui lại cho hui viên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông N và bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần số tiền là 95.500.000đ.

[5] Xét về án phí dân sự: Ông N và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:  $95.500.000đ \times 5\% = 4.775.000đ$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Tn.

1. Buộc ông Phan Phương N (Phan Văn N) và bà Lâm Hồng H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc T số tiền 95.500.000 đồng (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bà Trần Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông N, bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.775.000 đồng.

3.2. Bà Trần Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T 2.388.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0012684 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**